

Số: 100/2025/NQ-HĐND

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 12 năm 2025

## NGHỊ QUYẾT

### Quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội;

Căn cứ Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Thông tư số 50/2024/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Xét Tờ trình số 433/TTr-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

##### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

## 2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả.

b) Các đối tượng bảo trợ xã hội có hồ sơ quản lý tại tỉnh Bắc Ninh, bao gồm: Cá nhân, hộ gia đình có người hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ chi phí mai táng, chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội, trợ cấp xã hội một lần tại cộng đồng; đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội trên địa bàn tỉnh.

c) Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh.

## **Điều 2. Mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội, nguồn kinh phí thực hiện**

1. Mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả được xác định theo tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng số tiền chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội, hưu trí xã hội cụ thể:

a) Mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội bằng tiền mặt bằng 0,70% tổng số tiền chi trả trợ cấp cho đối tượng bảo trợ xã hội, hưu trí xã hội bằng tiền mặt.

b) Mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội qua tài khoản bằng 0,35% tổng số tiền chi trả trợ cấp cho đối tượng bảo trợ xã hội, hưu trí xã hội qua tài khoản.

## 2. Nguồn kinh phí thực hiện

Từ nguồn ngân sách của các xã, phường.

## **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026. Nghị quyết này bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

*Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh khóa XIX, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025. /*

### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế các Bộ: Tài chính; Y tế;
- Thường trực: Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Ninh;
- Ủy ban MTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XIX;
- Thường trực: Đảng ủy, HĐND; UBND các xã, phường;
- Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Công thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm thông tin tỉnh (01 bản giấy, 01 bản điện tử);
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Việt Oanh**